

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN LÊ CHÂN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 126/2021/HS-ST  
Ngày 24-11-2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LÊ CHÂN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Bùi Xuân Vinh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Vũ Khắc Tân

Bà Phạm Thị Bích Ngọc

***- Thư ký phiên toà:*** Bà Đào Thị Linh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà:*** Bà Nguyễn Thu Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 120/2020/TLST-HS ngày 28 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 259/2021/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 11 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thị Thanh H, sinh ngày 12 tháng 6 năm 199X, tại Hải Phòng. Nơi đã ĐKKHKT: Số 14/12/241 L, phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng; nơi sinh sống: Số 1091 T, phường S, quận H, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con Nguyễn Duy H1 và bà Hà Thị A; bị cáo có chồng là Nguyễn Đức T (đã ly hôn) và có 02 con; con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giữ ngày 04/7/2021 đến ngày 13/7/2021 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bảo lãnh; có mặt.

2. Nguyễn Đức T, sinh ngày 13 tháng 7 năm 198Y, tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Số 14/12/241 L, phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức V và bà Nguyễn Thị H2; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Thanh H (đã ly hôn) và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt, tạm giữ ngày 04/7/2021, tạm giam ngày 13/7/2021; có mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ 40 phút ngày 03/7/2021, tổ công tác Công an phường Kênh Dương tiến hành kiểm tra phòng 203 nhà nghỉ Đình Vũ 3 tại 917 T, phường K, quận L, Hải Phòng phát hiện Nguyễn Thị Thanh H và Nguyễn Đức T có hành vi cất giữ trái phép chất ma túy. Thu giữ trong ốp điện thoại T đang cầm 01 túi nilon chứa tinh thể màu trắng nghi là ma túy, trong túi đeo trước bụng của H 01 túi nilon chứa tinh thể màu trắng nghi là ma túy ma túy. Tổ công tác đã đưa H và T về trụ sở Công an phường Kênh Dương lập Biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang. Ngoài ra còn thu giữ của H: 01 điện thoại OPPO, số tiền 400.000 đồng, 01 túi đeo màu đen. Thu giữ của T 01 điện thoại Xiaomi màu hồng, 01 xe máy điện biển kiểm soát 15MĐ1 – 160.12.

Tại Kết luận giám định số 438/KLGD-MT ngày 04/7/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an TP Hải Phòng kết luận:

- Tinh thể màu trắng trong túi nilon thu giữ của Nguyễn Đức T có khối lượng 0,32 gam là Methamphetamine.

- Tinh thể màu trắng trong túi nilon thu giữ của Nguyễn Thị Thanh H có khối lượng 0,22 gam là Methamphetamine.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Thị Thanh H và Nguyễn Đức T đều khai nhận: Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 03/7/2021, H gọi điện cho T để mượn xe máy điện. T đồng ý và hẹn giao xe cho H ở đầu ngõ 12/241 Lạch Tray. Sau khi lấy xe, H đi uống rượu cùng bạn bè. Đến khoảng 22 giờ H điều khiển xe máy điện một mình đi đến ngõ 193 Văn Cao để mua ma túy sử dụng cho bản thân. Khi vào trong ngõ, H gặp và mua của một nam giới không quen biết 200.000 đồng ma túy đá. Người nam giới nhận tiền rồi đưa cho H 01 túi nilon đựng ma túy. H cất ma túy vào túi đeo trước bụng và điều khiển xe máy điện đến đầu ngõ 12/241 Lạch Tray để trả xe cho Nguyễn Đức T. Khi gặp nhau, H rủ T lên nhà nghỉ để quan hệ tình dục. T đồng ý rồi cùng H đến nhà nghỉ Đình Vũ 3 thuê phòng 203. Tại đây, H đưa cho T gói ma túy vừa mua được và bảo chia làm đôi. T cầm gói ma túy gấp làm đôi rồi H dùng bật lửa hơ túi ma túy để chia thành hai gói. T và H mỗi người cầm 01 gói, chuẩn bị ra về thì Công an phường Kênh Dương tiến hành kiểm tra, bắt giữ như nội dung nêu trên. T và H trước đây là vợ chồng, mặc dù đã ly hôn nhưng vẫn thường xuyên qua lại, chung tiền để chi tiêu sinh hoạt và nuôi dưỡng con chung. Quá trình chung sống, thỉnh thoảng H và T có sử dụng ma túy với nhau. Hôm T có tiền T mua ma túy, hôm H có tiền H mua ma túy. Ngày 03/7/2021, H và T chưa sử

dụng ma túy. Do biết T có sử dụng ma túy nên H bảo T chia ma túy làm đôi, mỗi người một gói. Khi H bảo chia đôi gói ma túy thì T hiểu để mỗi người cất giữ một gói. T cất gói ma túy vào ốp điện thoại của mình và chưa có ý định để làm thì bị Công an kiểm tra, bắt giữ như nội dung nêu trên.

Tại bản Cáo trạng số 129/CT-VKSLC ngày 28/10/2021 của Viện Kiểm sát nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng đã truy tố các bị cáo Nguyễn Thị Thanh H và Nguyễn Đức T đồng phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi đã thực hiện phù hợp với nội dung bản cáo trạng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Kiểm sát viên tại phiên tòa đã đánh giá tính chất của vụ án, phân tích vai trò của từng bị cáo, xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của từng bị cáo; giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: bị cáo Nguyễn Thị Thanh H mức án từ 18 đến 21 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

- Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: bị cáo Nguyễn Đức T mức án từ 15 đến 18 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo,

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong số 438MT/PC09 đựng số ma túy, vỏ bao bì còn lại sau giám định; trả lại cho bị cáo H 01 điện thoại OPPO, 01 túi đeo màu đen và số tiền 400.000 đồng; trả lại cho bị cáo T 01 điện thoại Xiaomi.

Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ

tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

- Về tội danh:

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, nội dung bản cáo trạng và các tài liệu điều tra khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Vào hồi 22 giờ 40 phút ngày 03/7/2021, Nguyễn Thị Thanh H và Nguyễn Đức T cùng tham gia hành vi cất giữ trái phép 0,54 gam heroin thì bị phát hiện, bắt quả tang tại phòng 203 nhà nghỉ Đình Vũ 3 tại số 917 Thiên Lô, phường Kênh Dương, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng. Như vậy, hành vi của các bị cáo Nguyễn Thị Thanh H và Nguyễn Đức T đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

[3] Viện Kiểm sát nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng là có cơ sở và đúng với quy định của pháp luật.

[4] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chính sách độc quyền của Nhà nước về quản lý chất ma túy, gây mất trật tự trị an xã hội và làm nguy cơ phát sinh nhiều loại tội phạm hình sự khác. Vì vậy cần xử các bị cáo một mức án nghiêm để cải tạo, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

- Xét vai trò của từng bị cáo trong vụ án:

[5] Đây là vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn; các bị cáo đã từng là vợ chồng của nhau, nhanh chóng tiếp nhận ý chí của nhau nên cùng trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội. Trong đó bị cáo H là người chủ động sử dụng tiền của mình để mua ma túy về đưa cho bị cáo T, còn bị cáo T là người chia số ma túy mà bị cáo H đã mua về thành hai phần để cả hai cùng cất giữ với mục đích sử dụng cho bản thân. Do vậy trong vụ án này, bị cáo H có vai trò cao hơn bị cáo T.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

[6] Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[7] Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải nên cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Về hình phạt bổ sung:

[8] Do các bị cáo không có tài sản và thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

- Về việc xử lý vật chứng:

[9] Căn cứ vào điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; căn cứ điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong số 438MT/PC09 đựng số ma túy, vỏ bao bì còn lại sau giám định là vật không còn giá trị sử dụng và cầm tàng trữ, lưu hành.

+ Trả lại cho bị cáo H 01 điện thoại OPPO, 01 túi đeo màu đen và số tiền 400.000 đồng do không liên quan đến việc phạm tội nhưng tiếp cận tạm giữ số tiền 400.000 đồng để đảm bảo thi hành phần án phí; số tiền thừa còn lại được trả cho bị cáo.

+ Trả lại cho bị cáo T 01 điện thoại Xiaomi do không liên quan đến việc phạm tội.

[10] Đối với xe máy điện biển kiểm soát MĐ1-161012, quá trình điều tra chưa xác định được chủ sở hữu hợp pháp nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Lê Chân tiếp tục xác minh, làm rõ, xử lý sau nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Đối với người nam giới bán ma túy cho Nguyễn Thị Thanh H, quá trình điều tra không xác định được căn cước, lai lịch nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Lê Chân không có cơ sở để điều tra nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[12] Đối với lời khai của H và T đã nhiều lần mua ma túy và đã sử dụng hết, quá trình điều tra không thu giữ được vật chứng chứng minh, do vậy không đủ căn cứ kết luận những hành vi này đã phạm tội nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí:

[13] Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Nguyễn Thị Thanh H 18 (mười tám) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt giam bị cáo đi thi hành án. Khi chấp hành án cần trừ cho bị cáo 09 ngày tạm giữ trước đó từ ngày 04/7/2021 đến ngày 13/7/2021.

Nguyễn Đức T 15 (mười lăm) tháng từ về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy. Thời hạn chấp hành hình phạt từ kể từ ngày 04/7/2021.

- Về việc xử lý vật chứng: Căn cứ vào điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; căn cứ điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong số 438MT/PC09 đựng số ma túy, vỏ bao bì còn lại sau giám định

+ Trả lại cho bị cáo H 01 điện thoại OPPO và 01 túi đen bằng vải màu đen.

+ Trả lại cho bị cáo T 01 điện thoại Xiaomi.

(Theo biên bản giao nhận tài sản, vật chứng ngày 28/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.)

+ Tiếp tục tạm giữ số tiền 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng) thu giữ của bị cáo H để đảm bảo thi hành phần án phí của bị cáo H; số tiền thừa được trả lại cho bị cáo H.

(Theo giấy nộp tiền ngày 07/10/2021 của Công an quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng vào kho bạc nhà nước thông qua Ngân hàng TMCP công tH Việt Nam-Chi nhánh Lê Chân.)

- Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Nguyễn Thị Thanh H và Nguyễn Đức T mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo đối với bản án: Bị cáo Nguyễn Thị Thanh H và Nguyễn Đức T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

**Nơi nhận:**

- Bị cáo;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Lê Chân;
- Cơ quan điều tra Công an quận Lê Chân;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an quận Lê Chân;
- Chi cục THADS quận Lê Chân;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Xuân Vinh**

- Trại tạm giam Công an thành phố Hải Phòng;
- PV 06 Công an thành phố Hải Phòng;
- Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.













































